

Bố Trạch, ngày 07 tháng 3 năm 2025

Số: 04/2025/QĐST- DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 7, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự sơ thẩm thụ lý số 66/2024/TLST - DS ngày 25/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Địa chỉ: Số 89 L, phường L, Quận Đ, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân - Trung tâm thu hồi nợ KHCN.

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Quốc T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Số 59, đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Mạnh C, sinh năm 1990 và bà Lê Thị Hương L, sinh năm 1992. Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ và lộ trình thanh toán: Ngày 31/3/2025, ông Hoàng Mạnh C và bà Lê Thị Hương L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tổng số tiền 542.046.550 đồng (trong đó: Hợp đồng cho vay số LN2107304083750, ngày 29/10/2021: nợ gốc là 335.955.000 đồng, nợ lãi là 44.549.934 đồng và theo Hợp đồng cho vay số:

LN23102400656665 ngày 27/10/2023: Nợ gốc là 149.064.000 đồng, nợ lãi là 12.477.616 đồng).

Kể từ ngày 28/02/2025 trở đi cho đến khi thi hành xong các khoản nợ, ông C và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2107304083750, ngày 29/10/2021 và Hợp đồng cho vay số: LN23102400656665 ngày 27/10/2023.

2.2 Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông C và bà L không thanh toán được các khoản nợ, Ngân hàng TMCP Việt Nam T được quyền xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại NQR75ME4, BKS 73C - 134.09, có số khung RIEN1R75MMV100272, số máy 4HK10HY676, cấp ngày 27/01/2022 theo Hợp đồng thế chấp số: LN2107304083750, ngày 29/10/2021 mà ông C và bà L đã ký kết với Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Hoàng Mạnh C và bà Lê Thị Hương L thỏa thuận nộp 12.840.931 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 12.224.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23/0002765 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bồ Trách (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- UBND xã H, huyện B;
- Đường sự (.....);
- Lưu HSVA; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phú Quảng

